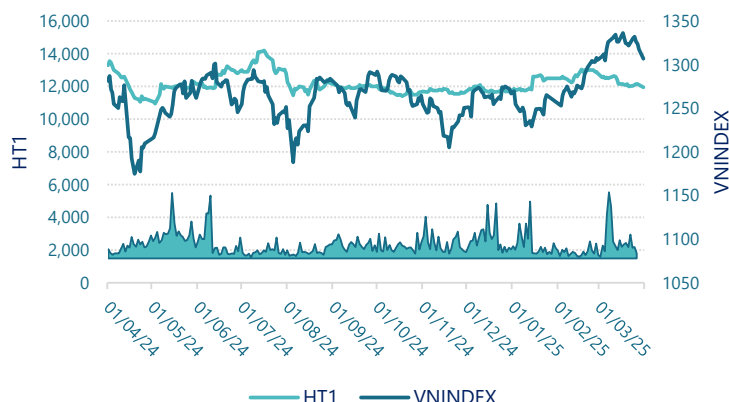


CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên (HSX: HT1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,950
SL cổ phiếu LH	381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	378,005
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,560
P/E	56.7
EPS	211

DT thuần

Q1/25

1,587

tỷ VNĐ

QoQ: ▼256 | -13.9%

YoY: ▲ 92.0 | 6.1%

LN sau thuế

Q1/25

-9.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.6 | -143%

YoY: ▲ 15.5 | 62.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

6,884

tỷ VNĐ

YoY: ▼165 | -2.3%

LN sau thuế

2024

60.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.4 | 236%

ROE

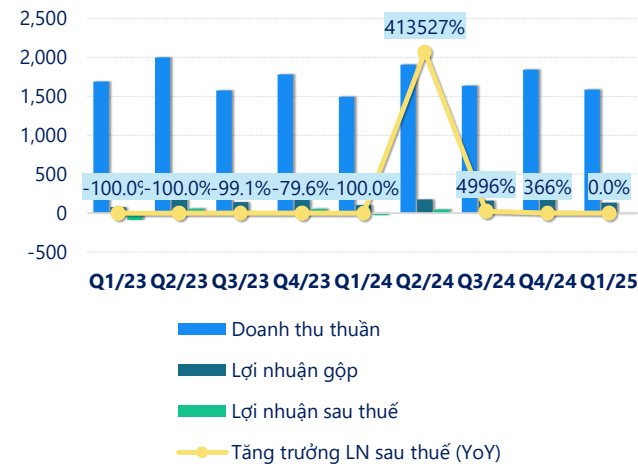
2024

1.2%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

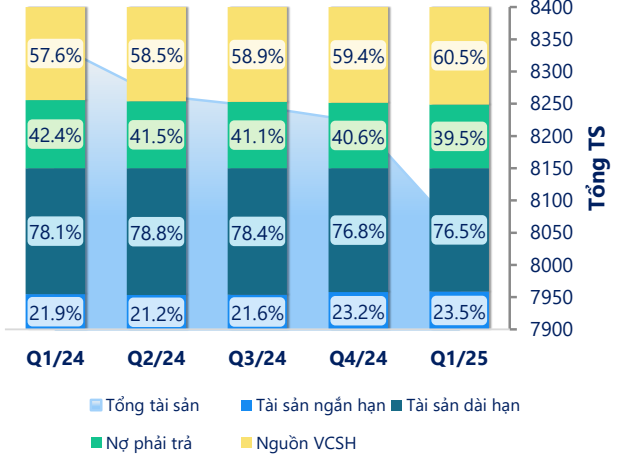
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

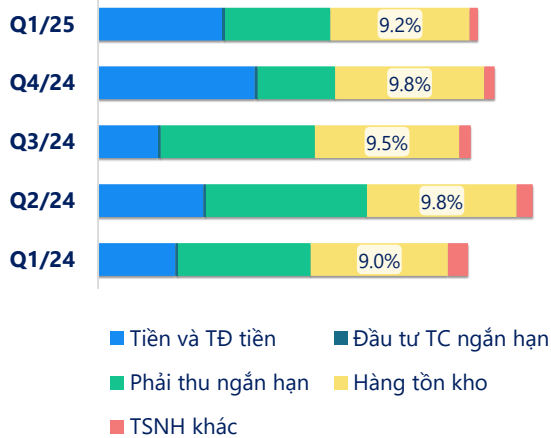
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



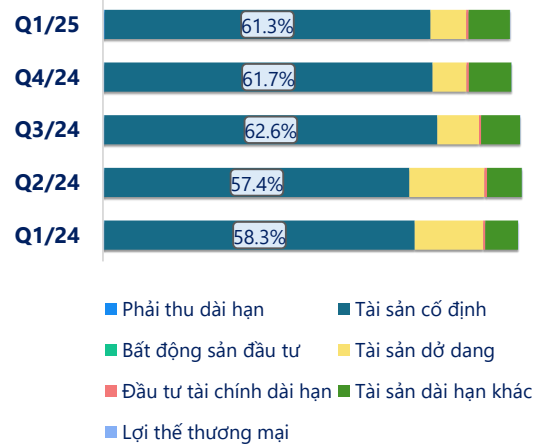
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

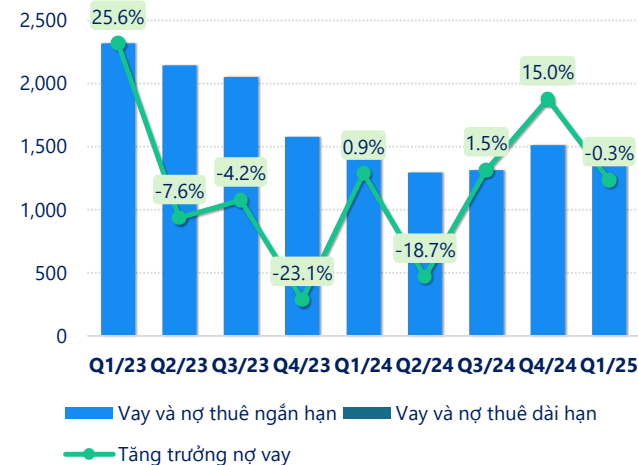
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

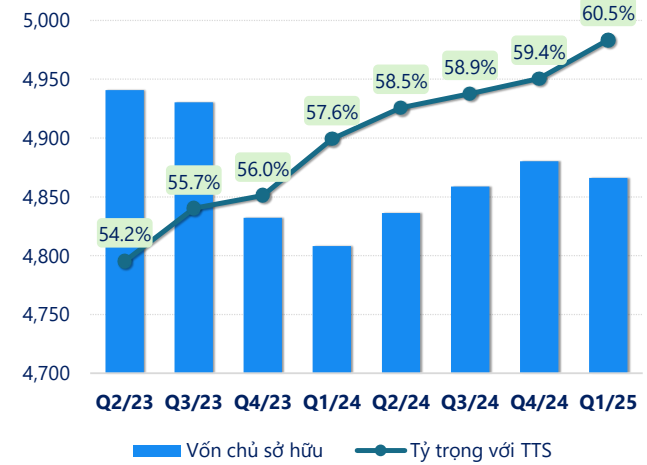
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



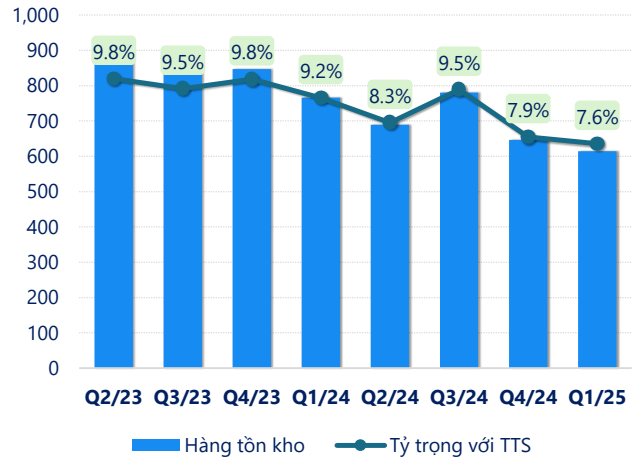
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


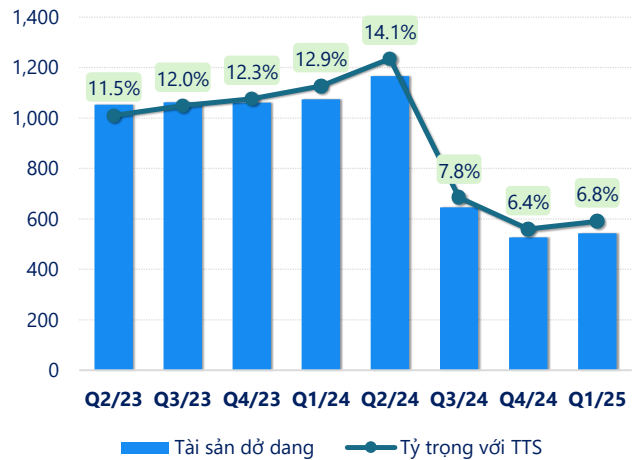
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

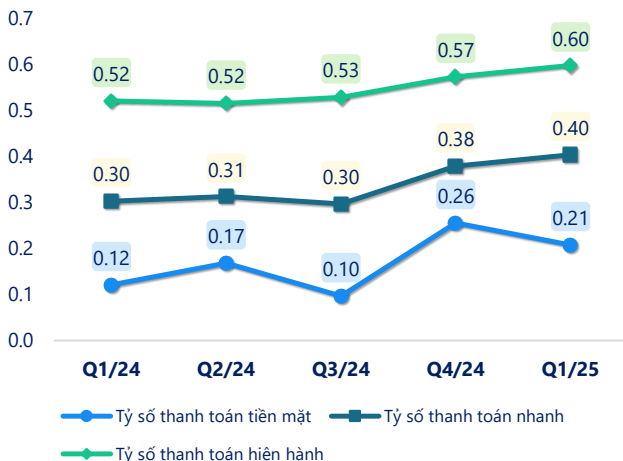
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

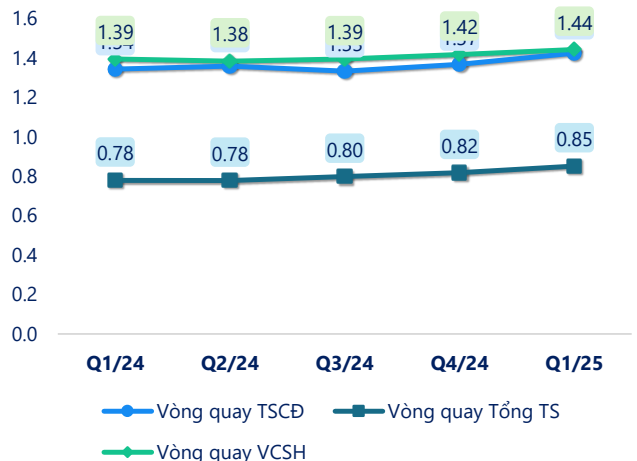
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	8,342	8,263	8,246	8,222	8,050
Tài sản ngắn hạn	1,830	1,755	1,780	1,904	1,891
Tiền và tương đương tiền	425	573	325	849	657
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.2	16.2	16.8	17.0	17.0
Phải thu ngắn hạn	578	415	572	342	562
Hàng tồn kho	766	689	780	646	614
Tài sản ngắn hạn khác	45.0	62.9	84.7	50.3	40.2
Tài sản dài hạn	6,512	6,508	6,466	6,318	6,159
Phải thu dài hạn	22.7	22.7	22.7	22.7	24.2
Tài sản cố định	4,867	4,739	5,161	5,074	4,932
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,074	1,167	645	526	543
Đầu tư tài chính dài hạn	35.1	42.0	33.4	36.5	36.3
Tài sản dài hạn khác	513	537	603	659	623
Lợi thế thương mại	0.09	0.08	0.08	0.07	0.06
Nợ phải trả	3,534	3,427	3,387	3,342	3,184
Nợ ngắn hạn	3,514	3,406	3,366	3,321	3,162
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,592	1,294	1,314	1,511	1,506
Phải trả người bán ngắn hạn	1,128	1,353	1,271	1,130	1,039
Nợ dài hạn	20.1	20.4	20.8	21.0	21.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,808	4,836	4,859	4,880	4,866
Vốn chủ sở hữu	4,808	4,836	4,859	4,880	4,866
Vốn điều lệ	3,816	3,816	3,816	3,816	3,816
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)